

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH
Xã Hòa Bình – H. Xuyên Mộc – T. Bà Rịa Vũng Tàu
ĐT : 064.3873482 – 3873496 – 3873497
Fax : (84.64) 3873495



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2012

Kính gửi :

Tháng 01/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2012	1 - 4
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý IV năm 2012	5
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý IV năm 2012	6 - 7
4. Bảng thuyết minh báo cáo tài chính quý IV năm 2012	8 - 25
5. Bảng phụ lục thuyết minh Vốn chủ sở hữu	26
6. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2012 (dạng tóm tắt)	27
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý IV năm 2012 (dạng tóm tắt)	28

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2012

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		161.020.896.602 ✓	177.366.663.092
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	79.644.498.055	36.779.217.165
1. Tiền	111		18.644.498.055	19.774.851.964
2. Các khoản tương đương tiền	112		61.000.000.000	17.004.365.201
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	1.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.059.288.882	36.496.757.591
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	3.797.421.685	36.204.591.591
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	32.135.000	167.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	229.732.197	125.166.000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		66.953.692.976	100.589.986.305
1. Hàng tồn kho	141	V.6	70.927.705.588	125.343.018.498
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.974.012.612)	(24.753.032.193)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.363.416.689	2.500.702.031
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.7	2.823.884.471	2.454.667.057
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	7.539.532.218	46.034.974
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		495.814.490.425	443.085.057.920
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		212.789.243	217.320.542
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.8	212.789.243	217.320.542
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		224.923.612.755	173.161.395.916
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	42.871.260.544	31.825.561.190
<i>Nguyên giá</i>	222		104.090.989.312	92.702.954.673
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(61.219.728.768)	(60.877.393.483)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.324.301.029	1.394.615.029
<i>Nguyên giá</i>	228		1.669.833.480	1.669.833.480
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(345.532.451)	(275.218.451)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	180.728.051.182	139.941.219.697
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		269.162.631.057	268.465.381.057
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	-	90.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	269.736.381.057	207.536.381.057
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.14	(573.750.000)	(29.071.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.515.457.370	1.240.960.405
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	1.515.457.370	1.240.960.405
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		656.835.387.027	620.451.721.012

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		172.484.343.030	163.624.122.090
I. Nợ ngắn hạn	310		94.538.122.852	128.482.424.405
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	29.980.800.000	50.000.000
2. Phải trả người bán	312	V.17	13.047.375.859	16.392.609.631
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	6.731.477.710	41.101.836.166
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	46.878.027	521.098.643
5. Phải trả người lao động	315	V.20	29.120.720.765	58.381.378.794
6. Chi phí phải trả	316	V.21	508.416.708	255.235.606
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	13.724.458.314	9.044.077.293
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	1.377.995.469	2.736.188.272
II. Nợ dài hạn	330		77.946.220.178	35.141.697.685
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.24	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.25	77.946.220.178	35.141.697.685
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		484.351.043.997	456.827.598.922
I. Vốn chủ sở hữu	410		484.351.043.997	456.827.598.922
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	172.609.760.000	172.609.760.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	(5.532.575.581)	(5.532.575.581)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.26	0	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(513.707.741)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		98.348.851.211	76.140.812.826
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		19.050.000.000	19.050.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		199.875.008.367	195.073.309.418
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		656.835.387.027	620.451.721.012

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		16.624.742.400	21.356.294.400
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		29.009,62	623.921,92
Euro (EUR)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 01 năm 2013

Nguyễn chơn Cường
Người lập biểuNguyễn văn Quang
Kế toán trưởngTrần Quốc Hưng
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SÚ HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2012

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Năm trước		Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	128.337.053.372	208.316.933.325	VII.1	494.476.726.797	688.411.058.130	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2			VII.2			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		128.337.053.372	208.316.933.325		494.476.726.797	688.411.058.130	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	119.447.849.525	171.983.148.931	VII.3	454.337.410.424	554.299.037.555	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.889.203.847	36.333.784.394		40.139.316.373	134.112.020.575	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.429.307.523	1.626.820.878	VII.4	6.149.183.461	7.922.533.771	
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	238.715.083	2.065.773.610	VII.5	(1.394.928.067)	7.340.343.423	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		234.876.782	172.023.610		1.039.278.766	279.523.610	
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	2.272.988.042	3.975.458.749	VII.6	7.593.996.928	8.549.054.442	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	4.340.542.432	6.148.025.281	VII.7	14.912.728.193	19.365.413.484	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.466.265.813	25.771.347.632		25.176.702.780	106.779.742.997	
11. Thu nhập khác	31	VI.8	6.733.319.228	1.990.992.259	VII.8	89.613.749.277	37.309.970.902	
12. Chi phí khác	32	VI.9	737.949.653	96.806.434	VII.9	4.288.698.654	1.933.378.724	
13. Lợi nhuận khác	40		5.995.369.575	1.894.185.825		85.325.050.623	35.376.592.178	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.461.635.388	27.665.533.457		110.501.753.403	142.156.335.175	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.990.274.310	(141.284.974)		21.640.578.687	14.304.637.352	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52							
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60							
18. Lãi cơ bản trên vốn cổ phiếu	70							
			7.471.361.078	27.806.818.431		88.861.174.716	127.851.697.823	
			433	1.611	VII.10	5.148	7.407	

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 13 tháng 01 năm 2013



Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng





Trần Quốc Hưng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý IV năm 2012

Đơn vị tính: VND

Số TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		525.271.728.173	689.788.226.071
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(357.213.237.610)	(502.394.085.676)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(111.301.779.608)	(133.463.788.862)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04	VII.5	(855.082.966)	(279.523.610)
5.	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	V.19	(19.047.585.313)	(24.033.140.592)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		11.372.527.415	29.350.357.365
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(48.797.259.498)	(51.368.143.522)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(570.689.407)	7.599.901.174
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(58.679.627.663)	(9.127.744.592)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	VII.8	62.178.822.788	59.881.414.754
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.000.000.000	2.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(21.250.000.000)	(26.050.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		24.255.565.197	12.720.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.906.941.141	6.101.656.684
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.411.701.463	43.525.326.846

Số TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	2.679.309.829
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		131.331.022.493	52.030.000.000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16	(58.526.675.659)	(24.950.000.000)
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	(41.780.078.000)	(69.031.064.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		31.024.268.834	(39.271.754.171)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		42.865.280.890	11.853.473.849
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	36.779.217.165	25.045.230.189
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(119.486.873)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	79.644.498.055	36.779.217.165

Nguyễn chơn Cường
Người lập biểu

Nguyễn văn Quang
Kế toán trưởng

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 15 tháng 01 năm 2013



Trần Quốc Hưng
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm 2012 kết thúc ngày 31/12/2012

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Nông trường cao su Hòa Bình và Nhà máy chế biến cao su Hòa Bình – bộ phận doanh nghiệp Nhà Nước Công ty cao su Bà Rịa theo Quyết định số 5360/QĐ-BNN-TCCB ngày 05 tháng 12 năm 2003.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp lần đầu vào ngày 22 tháng 4 năm 2004, và các lần sửa đổi:

- Đăng ký sửa đổi lần thứ 1, ngày 1 tháng 3 năm 2007;
- Đăng ký sửa đổi lần thứ 2, ngày 7 tháng 5 năm 2008;
- Đăng ký sửa đổi lần thứ 3, ngày 20 tháng 5 năm 2011.
- Đăng ký sửa đổi lần thứ 4, ngày 22 tháng 7 năm 2011.
- Đăng ký sửa đổi lần thứ 5, ngày 15 tháng 8 năm 2011.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 15 tháng 8 năm 2011, Vốn điều lệ của Công ty là : 172.609.760.000 đồng, tổng số cổ phiếu là 17.260.976 với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Trụ sở chính của Công ty tại Ấp 7, xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Trồng cây cao su;
- Khai thác gỗ cao su;
- Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu: Bán buôn cao su nguyên liệu (cao su thiên nhiên);
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch: Sơ chế mù cao su;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn gỗ cây cao su và gỗ cao su chế biến;

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và sửa đổi bổ sung một phần báo cáo theo Thông tư 244/TT-BTC ngày 31/12/2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam, Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị của hàng tồn kho xuất dùng được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Riêng tài sản cố định là vườn cây cao su được trích theo Quyết định 221/QĐ-TCKT ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập Đoàn Công Nghiệp Cao su Việt Nam, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 – 11
Máy móc và thiết bị	06 – 30
Thiết bị văn phòng	20 – 30
Phương tiện vận tải	08 – 11
Vườn cây cao su	3,64 – 19,72
Tài sản khác	05 – 20

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng lô đất là 38 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, công cụ dụng cụ, chi phí vườn nhân, vườn ương bầu.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định trả trước được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 2 năm.

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Các chi phí vườn giống cao su được phân bổ vào chi phí sản xuất cây giống theo phương pháp số lượng cây giống sản xuất hàng năm với thời gian phân bổ không quá 8 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế đến năm 2013 đối với sản xuất cao su, thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế đối với các hoạt động kinh doanh còn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CĐ KẾ TOÁN:**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền	18.644.498.055	19.774.851.964
Các khoản tương đương tiền (dưới 3 tháng)	61.000.000.000	17.004.365.201
Cộng	79.644.498.055	36.779.217.165

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn khác (Tiền có KH trên 3 tháng)	-	1.000.000.000
Cộng	-	1.000.000.000

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
RI International Pte LLtd	2.477.384.965	11.472.546.026
The Oc Group	-	3.436.828
Weber & Schaer GmbH	-	11.487.633.621
Thomson Rubber (India) Pvt. Ltd	-	10.826.129.676
Phải thu khách hàng khác (Petec,...)	1.320.036.720	2.414.845.440
Cộng	3.797.421.685	36.204.591.591

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Huỳnh Quang Trung	-	-
Hoàng thị Nga	-	-
Ông Võ xuân Bình	-	-
Ông Nguyễn văn Cang	-	-
Cty XD cao su Đồng nai	-	-
Các đối tượng khác (THA, thuê L.sư,...)	32.135.000	167.000.000
Cộng	32.135.000	167.000.000

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi trái phiếu	215.673.135	112.000.000
Phải thu 8,5% BHXH, BHYT, BHTN của CN	-	-
Phải thu khác (tạm ứng, quỹ TNTT)	14.059.062	13.166.000
Cộng	229.732.197	125.166.000

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	2.004.968.464	1.989.585.478
Công cụ, dụng cụ	358.170.549	317.644.859
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	46.040.736
Thành phẩm, hàng hóa	68.564.566.575	122.989.747.425
Dự phòng thành phẩm thu mua tồn kho	(3.974.012.612)	(24.753.032.193)
Cộng	66.953.692.976	100.589.986.305

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT còn được khấu trừ	2.823.884.471	2.454.667.057
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7.539.532.218	46.034.974
Phải thu ngắn hạn khác	-	-
Cộng	10.363.416.689	2.500.702.031

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu tiền bán cổ phần trả chậm	20.900.000	22.100.000
Phải thu tiền đo đạc nhà ở CNV	191.889.243	195.220.542
Cộng	212.789.243	217.320.542

Là khoản phải thu bán cổ phần cho người lao động được trả chậm thời hạn 10 năm kể từ năm 2004.

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây cao su	Tài sản cố định phúc lợi	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	37.480.141.132	4.684.971.568	9.824.650.862	502.293.182	35.787.421.427	4.423.476.502	92.702.954.673
Tăng do mua mới	41.690.000				15.616.558.416		15.658.248.416
Tăng do đầu tư XD/CB hoàn thành	2.234.547.762						2.234.547.762
Giảm do thanh lý, nhượng bán		28.113.982	88.955.000		6.387.692.557		6.504.761.539
Đc lại do loại TS							-
Số cuối kỳ	39.756.378.894	4.656.857.586	9.735.695.862	502.293.182	45.016.287.286	4.423.476.502	104.090.989.312
Trong đó:							
Đã KH hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	20.837.746.855	3.201.222.811	5.797.998.778	286.840.025	29.072.481.679	1.681.103.335	60.877.393.483
Tăng do khấu hao trong kỳ	2.784.060.841	324.766.463	895.993.303	40.127.838	2.078.934.328	349.007.424	6.472.890.197
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	28.113.982	88.955.000	-	6.013.485.930	-	6.130.554.912
Số cuối kỳ	23.621.807.696	3.497.875.292	6.605.037.081	326.967.863	25.137.930.077	2.030.110.759	61.219.728.768
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	16.642.394.277	1.483.748.757	4.026.652.084	215.453.157	6.714.939.748	2.742.373.167	31.825.561.190
Số cuối kỳ	16.134.571.198	1.158.982.294	3.130.658.781	175.325.319	19.878.357.209	2.393.365.743	42.871.260.544

Vườn cây cao su có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 25.137.930.077VNĐ và 19.878.357.209 VNĐ đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Ngân hàng SHB.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán:

	Số tiền
Nguyên giá	
Số đầu năm	1.669.833.480
Phát sinh tăng trong kỳ	
Số cuối kỳ	1.669.833.480
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	275.218.451
Phát sinh tăng trong kỳ	70.314.000
Số cuối kỳ	345.532.451
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	1.394.615.029
Số cuối kỳ	1.324.301.029

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	-	-	-	-	-
XDCB dở dang	98.369.940	2.336.895.002	2.276.237.762	-	159.027.180
- Công trình giao thông	-	-	-	-	-
- Công trình kiến trúc khác	-	2.165.430.457	2006403277	-	159.027.180
- Kiến thiết cơ bản khác	98.369.940	171.464.545	269834485	-	-
Vườn cây KT cơ bản	139.842.849.757	56.342.732.661	15.616.558.416	-	180.569.024.002
Cộng	139.941.219.697	58.679.627.663	17.892.796.178	0	180.728.051.182

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP PT cao su Bà Rịa – Kampong Thom	-	90.000.000.000
Cộng	-	90.000.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31/12/2012 như sau:

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 đầu tư tổng cộng 95.000.000.000 đồng, tỷ lệ tham gia vốn đầu tư tại Công ty CP Cao su Bà Rịa – Kampong Thom điều chỉnh giảm từ 23% xuống còn 18,5%; chuyển sang theo dõi tại khoản đầu tư dài hạn khác.

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Góp vốn vào Cty CP cao su Việt Lào (Số vốn phải góp 90 tỷ, tương ứng 15% vốn Điều lệ)		106.250.000.000		90.000.000.000
- Mua cổ phiếu Cty CP CB gỗ Thuận An, số vốn lượng 127.500 CP, chiếm 3,7% vốn Điều lệ)	127.500	1.491.750.000	127.500	1.491.750.000
- Góp vốn Cty CP thủy sản An Phú - Đồng Tháp (Số vốn góp 10 tỷ, tương ứng 5% vốn Điều lệ)	1.100.000	11.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
- Góp vốn Cty CP KCN Long Khánh (Số vốn phải góp 22,8 tỷ, tương ứng 19% vốn Điều lệ)	1.444.000	14.440.000.000	1.444.000	14.440.000.000
- Góp vốn Quỹ đầu tư con Hồ Việt Nam (Số vốn góp 20 tỷ, tương ứng 4% vốn Điều lệ)	-	-	2.000.000	20.200.000.000
- Góp vốn Quỹ Đầu tư tăng trưởng Việt Long (Số vốn góp 30 tỷ, tương ứng 10% vốn Điều lệ)	-	-	3.000.000	30.450.000.000
- Cổ phần Cty CP XD cao su Đồng Nai: 200.000CP, tương ứng 12,5% vốn Điều lệ	200.000	2.492.600.000	200.000	2.492.600.000
- Góp vốn Công ty CP cao su Lai Châu (Số vốn phải góp 31,16 tỷ, tương ứng 6,23% vốn Điều lệ)		31.162.031.057		31.162.031.057
- Góp vốn Cty CP cao su Bình Long-Tà Thiết (Số vốn phải góp 3 tỷ, tương ứng 10% vốn Điều lệ)		7.300.000.000		7.300.000.000
- Góp vốn Cty CP cao su Bà Rịa – KPT (Số vốn phải góp 95 tỷ, tương ứng 18,5% vốn Điều lệ)		95.000.000.000		-
- Góp vốn Cty CP địa ốc MB (tương ứng 0,09% vốn Điều lệ)		600.000.000		-
Cộng		269.736.381.057		207.536.381.057

- Tính đến hết ngày 31/12/2012 Công ty đã thoái góp vốn đầu tư tại Quỹ Đầu tư tăng trưởng Việt Long và Quỹ đầu tư con Hồ Việt Nam.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
DP giảm giá quỹ Đầu tư chứng khoán Việt Long	-	(17.350.000.000)
DP giảm giá quỹ Đầu tư chứng khoán Con hổ VN	-	(11.056.000.000)
DP giảm giá cổ phiếu Cty CP CB gỗ Thuận An	(573.750.000)	(663.000.000)
Cộng	(573.750.000)	(29.071.000.000)

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
- Chi phí công cụ dụng cụ	891.151.571	2.427.441.545	2.104.872.344	-	1.213.720.772
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.600.000	61.152.000	32.176.000	-	30.576.000
- Chi phí vườn nhãn, v.v.ương	348.208.834	169.325.000	246.373.236	-	271.160.598
- Chi phí phân bón trả trước	-	5.925.422.400	5.925.422.400	-	-
Cộng	1.240.960.405	8.583.340.945	8.308.843.980	-	1.515.457.370

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay vốn lưu động Ngân hàng NN Châu Đức	-	50.000.000
Vay vốn lưu động Ngân hàng TMCP Exim Bank	29.980.800.000	-
Cộng	29.980.800.000	50.000.000

Vay vốn lưu động mua cao su, vay ngân hàng Eximbank bằng ngoại tệ USD lãi suất thấp.

17. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cao su Bà Rịa	771.886.150	754.267.485
Phải trả mua mũ cao su của tiểu điền	10.784.809.573	14.380.400.938
Phải trả bảo lưu Cty XD CS Đồng nai	84.000.000	-
Phải trả hàng DNTN Phạm mai Phương	232.849.500	-
Các đối tượng khác(phí bảo lưu, VC, ăn GC)	1.173.830.636	1.257.941.208
Cộng	13.047.375.859	16.392.609.631

18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Weber & Schaer GmbH	-	1.582.928
The Oc Group	374.736.473	378.317.293
Thomson	-	26.380.745
Công ty TNHH cao su Đông nam Á	-	1.490.227.200
Công ty TNHH SX TM Châu Anh Quân	-	1.426.723.200
Công ty TNHH CP Xuân Phát	-	10.012.993.200
Cty khác (Đại T.Lộc, cây thanh lý)	6.356.741.237	27.765.611.600
Cộng	6.731.477.710	41.101.836.166

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tiền thuế được K/trừ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	(2.454.667.057)	590.176.027	590.176.027	-	(2.823.884.471)
Thuế thu nhập DN	(46.034.974)	21.640.578.687	29.134.075.931	-	(7.539.532.218)
Thuế thu nhập cá nhân	521.098.643	3.178.812.730	3.653.272.046		46.639.327
Tiền thuế đất	0	163.403.181	163.403.181	-	0
Các loại thuế khác	0	29.282.100	29.043.400		238.700
Cộng	(1.979.603.388)	25.602.252.725	33.569.970.585	1.543.331.300	(10.316.538.662)

Thuế GTGT âm là số thuế còn được khấu trừ cuối kỳ.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

Bán vật tư, phế liệu	5% & 10%
Bán mũ cao su nội địa, gia công chế biến mũ cao su	5%
Doanh thu xuất khẩu	0%
Bán cây gậy đồ, thanh lý cây cao su	Không chịu thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.15.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	110.501.753.403	142.156.335.012
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	613.055.328	1.220.372.841
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.645.283.333	(1.583.283.333)
Tổng thu nhập chịu thuế	109.469.525.398	141.793.424.520
- Hoạt động sản xuất cao su	18.203.542.071	107.056.803.941
- Hoạt động khác	91.265.983.327	34.736.620.579
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Hoạt động sản xuất cao su	20%	15%
- Hoạt động khác	20% & 25%	25%
Thuế thu nhập DN dự tính phải nộp	21.640.578.687	24.742.675.736
Thuế thu nhập DN được miễn giảm		10.438.038.384
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	21.640.578.687	14.304.637.352

Các loại thuế khác

Là khoản thuế trước bạ và thuế tài nguyên năm 2012, Công ty kê khai và nộp theo qui định.

20. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương công nhân viên	19.937.923.765	42.314.909.036
Quỹ lương dự phòng	9.182.797.000	15.984.594.978
Phải trả người lao động khác		81.874.780
Cộng	29.120.720.765	58.381.378.794

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Chi phí phải trả:**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	-	114.107.517
Các khoản chi phí khác	508.416.708	141.128.089
Cộng	508.416.708	255.235.606

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	690.972.314	1.678.447.778
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (mua cây TL)	2.752.000.000	6.669.919.150
Quỹ Bảo hiểm XK cao su	184.595.000	530.417.000
Vận động CNV ủng hộ thiên tai	39.794.000	59.794.000
Quỹ "Vì tương lai con em chúng ta"	41.422.000	13.792.000
Các khoản khác (lương CXL, cổ tức)	10.015.675.000	91.707.365
Cộng	13.724.458.314	9.044.077.293

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	277.724.997	11.650.000.000	278.100.000	11.651.118.080	554.706.917
Quỹ phúc lợi	2.258.463.275	8.005.000.000		9.640.174.723	623.288.552
Trong đó: Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	943.253.207	-		349.007.424	594.245.783
Quỹ thưởng Ban QL Điều hành công ty	200.000.000	500.000.000	-	500.000.000	200.000.000
Cộng	2.736.188.272	20.155.000.000	278.100.000	21.791.292.803	1.377.995.469

24. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay vốn trung hạn NH Sài Gòn Hà Nội (SHB)	77.946.220.178	35.141.697.685
Cộng	77.946.220.178	35.141.697.685

Khoản vay 77.946.220.178 đồng tại Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội (SHB) là khoản vay dài hạn để tái canh trồng mới lại vườn cây cao su, khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp vườn cây cao su (xem thuyết minh V.10)

Chi tiết phát sinh trong năm của khoản vay như sau:

	Số tiền
Số đầu năm	35.141.697.685
Vay dài hạn trong kỳ	42.804.522.493
Vay dài hạn đã trả trong kỳ	-
Số cuối kỳ	77.946.220.178

25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	-
Số trích lập trong năm	2.836.978.255
Số chi trong năm	2.836.978.255
Số cuối kỳ	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**26. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu xem phụ lục kèm theo**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	95.040.000.000	95.040.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	77.569.760.000	77.569.760.000
Thặng dư vốn cổ phần	(5.532.575.581)	(5.532.575.581)
Cộng	167.077.184.419	167.077.184.419

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.260.976	17.260.976
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.260.976	17.260.976
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.260.976	17.260.976
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ đã bán	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.260.976	17.260.976
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.260.976	17.260.976

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ IV NĂM 2012**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Doanh thu xuất khẩu mủ cao su	47.290.569.372	108.497.622.521
<i>Trong đó: Doanh thu XK cao su thu mua</i>	9.906.790.395	-
Doanh thu xuất khẩu mủ cao su	0	31.824.375.004
<i>Trong đó: UTXK mủ cao su thu mua</i>	-	-
Doanh thu bán mủ cao su nội địa	81.046.484.000	67.994.935.800
<i>Trong đó: Bán mủ cao su nội địa thu mua</i>	63.851.961.600	-
Doanh thu khác (gia công cao su)	0	-
Cộng	128.337.053.372	208.316.933.325

2. Giảm giá hàng bán*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Giá vốn thành phẩm cao su	120.627.155.608	147.230.116.738
Trong đó: Giá vốn thành phẩm cao su thu mua	75.497.880.880	0
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho SP thu mua	(1.179.306.083)	24.753.032.193
Giá vốn khác		
Cộng	119.447.849.525	171.983.148.931

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	1.369.131.405	1.084.161.138
Cổ tức được chia		368.533.333
Lãi chênh lệch tỷ giá	60.176.118	174.126.407
Cộng	1.429.307.523	1.626.820.878

5. Chi phí tài chính

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Trả lãi tiền vay	234.876.782	172.023.610
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(76.005.613)	1.893.750.000
Chênh lệch giảm tỷ giá	79.843.914	
Chi phí khác		-
Cộng	238.715.083	2.065.773.610

6. Chi phí bán hàng

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, bao bì	894.614.262	1.557.779.511
Chi phí vận chuyển, bốc vác	581.638.600	704.103.040
Chi phí thuê kiểm phẩm	418.438.000	405.135.000
Chi phí ủy thác xuất khẩu	0	537.826.110
Chi phí dịch vụ mua ngoài	133.844.905	188.318.115
Chi phí Bảo hiểm XK cao su	184.595.000	530.417.000
Chi phí khác	59.857.275	51.879.973
Cộng	2.272.988.042	3.975.458.749

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.016.037.483	3.317.641.551
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.668.742	57.051.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	107.073.182	62.339.092
Chi phí khấu hao tài sản cố định	541.391.987	529.653.973
Thuế, phí, lệ phí	68.070.687	37.835.312
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	383.477.885	348.480.215
Chi phí dịch vụ mua ngoài	146.946.519	181.255.923
Chi phí khác	1.039.875.947	1.613.768.215
Cộng	4.340.542.432	6.148.025.281

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	0	0
Thu nhập từ cây cao su thanh lý	5.660.118.647	0
Thu nhập từ cây cao su gãy đổ	286.949.000	118.280.000
Thu nhập từ bán tận thu phế phẩm	113.764.700	230.144.500
Thu nhập giống vườn nhân gỗ thấp	399.850.000	0
Thu khác	272.636.881	1.642.567.759
Cộng	6.733.319.228	1.990.992.259

9. Chi phí khác

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Chi thanh lý TSCĐ	-	-
Chi thanh lý cây cao su	193.797.418	-
Chi phí bán cây cao su gãy đổ	0	-
Chi phí tận thu phế phẩm	50.300.000	53.585.000
Chi phí nhượng bán vật tư	427.710.050	-
Nộp quỹ ANQP địa phương	18.744.000	20.904.000
Chi khác	47.398.185	22.317.434
Cộng	737.949.653	96.806.434

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu PT	7.471.361.078	27.806.818.431
Lợi nhuận phân bổ cổ đông sở hữu CP P/thông	7.471.361.078	27.806.818.431
Cổ phiếu P/thông đang lưu hành BQ trong năm	17.206.976	17.259.975
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	434	1.611

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	17.260.976	17.162.515
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	17.260.976	17.259.975

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.190.867.164	6.349.253.823
Chi phí nhân công	30.768.591.221	67.445.230.425
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.006.078.925	2.234.329.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.061.700.432	1.097.742.871
Chi phí khác	6.365.783.118	6.811.682.392
Cộng	49.393.020.860	83.938.239.078

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC:**1. Kết quả kinh doanh giữa hai kỳ báo cáo (Quý IV/2012 và Quý IV/2011):**

STT	Lợi nhuận trước thuế	Quý IV/2012	Quý IV/2011	So sánh quý IV/2012 & quý IV/2011 (+/-)	
				Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
1	Hoạt động chính	2.275.673.373	26.210.300.364	(23.934.626.991)	8,68
2	Hoạt động tài chính	1.432.691.786	(438.952.732)	1.871.644.518	(326,39)
3	Hoạt động khác	5.753.270.229	1.894.185.825	3.859.084.404	303,73
	TỔNG CỘNG	9.461.635.388	27.665.533.457	(18.203.898.069)	34,20

Lợi nhuận trước thuế quý IV năm 2012 so với quý IV năm 2011 giảm 18.203.898.069 đồng, tương ứng giảm 65,8%. Nguyên nhân chủ yếu giảm lợi nhuận giữa hai quý như sau:

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính quý IV/2012 so với quý IV/2011 giảm 23.934.626.991 đồng, tương ứng giảm 91,32%. Nguyên nhân chủ yếu là do giá bán giảm;

+ Hoạt động tài chính quý IV/2012 so với quý IV/2011 tăng 1.871.644.518 đồng, nguyên nhân tăng do lãi tiền gửi;

+ Lợi nhuận khác quý IV/2012 so với quý IV/2011 tăng 3.859.084.404 đồng, nguyên nhân tăng do hoạt động thanh lý cây cao su.

2. Giao dịch với các bên liên quan trong năm 2012:**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt**

Thủ lao Hội đồng quản trị như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm		75.740.000
Số phải trả trong năm	259.496.970	472.260.000
Số đã trả trong năm	259.496.970	548.000.000
Số còn phải trả cuối năm	-	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng) như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, BHXH, BHYT	1.070.100.787	1.378.735.600
Tiền thưởng	114.724.100	85.609.000
Cộng	1.184.824.887	1.464.344.600

Thu nhập tiền lương, tiền thưởng của các thành viên chủ chốt năm 2012 (không bao gồm thu nhập tháng 12/2011 được chi trả trong 01/2012).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty là:

Bên liên quan	Mối quan hệ	
Tập Đoàn CNCs Việt Nam	Đại diện phần vốn Nhà nước	
Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với bên liên quan khác như sau:		
	Năm nay	Năm trước
Phải thu UTXK cao su	-	33.002.489.318
Đã thu UTXK cao su	-	33.002.489.318
Phải trả phí UTXK	-	335.474.556
Đã trả phí UTXK	-	335.474.556
Phải thu tiền bán cao su TP	9.576.000.000	
Đã thu tiền bán cao su TP	9.576.000.000	

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Thông tin báo cáo bộ phận:

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thoả một trong 03 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	79.644.498.055	36.779.217.165	79.644.498.055	36.779.217.165
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	269.736.381.057	269.465.381.057	269.736.381.057	269.465.381.057
Trong đó:				
Các khoản đầu tư dài hạn	269.736.381.057	268.465.381.057	269.736.381.057	268.465.381.057
Các khoản đầu tư ngắn hạn	0	1.000.000.000	0	1.000.000.000
Phải thu khách hàng	3.797.421.685	36.204.591.591	3.797.421.685	36.204.591.591
Các khoản phải thu khác	229.732.197	125.166.000	229.732.197	125.166.000
Cộng	353.408.032.994	342.574.355.813	353.408.032.994	342.574.355.813
B. Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	107.927.020.178	35.191.697.685	107.927.020.178	35.191.697.685
Phải trả cho người bán	13.047.375.859	16.392.609.631	13.047.375.859	16.392.609.631
Phải trả cho người lao động	29.120.720.765	58.381.378.794	29.120.720.765	58.381.378.794
Chi phí phải trả	508.416.708	255.235.606	508.416.708	255.235.606
Các khoản phải trả khác	13.724.458.314	9.044.077.293	13.724.458.314	9.044.077.293
Cộng	164.327.991.824	119.264.999.009	164.327.991.824	119.264.999.009

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Do đó Công ty không tính dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng.

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố tại ngày 28/12/2012. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty chỉ giao dịch với những khách hàng có uy tín và khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nên rủi ro tín dụng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc cân đối luồng tiền phù hợp với thời gian của các hợp đồng thanh toán nợ phải trả và khoản vay ngắn hạn, dài hạn đến thời kỳ phải trả.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm			
Vay và nợ	50.000.000	35.141.697.685	35.191.697.685
Phải trả cho người bán	16.392.609.631	0	16.392.609.631
Phải trả cho người lao động	58.381.378.794	0	58.381.378.794
Chi phí phải trả	225.235.606	0	225.235.606
Các khoản phải trả khác	9.044.077.293	0	9.044.077.293
Cộng	84.123.301.324	35.151.697.685	119.264.999.009
Số cuối năm			
Vay và nợ	29.980.800.000	77.946.220.178	107.927.020.178
Phải trả cho người bán	13.047.375.859	0	13.047.375.859
Phải trả cho người lao động	29.120.720.765	0	29.120.720.765
Chi phí phải trả	508.416.708	0	508.416.708
Các khoản phải trả khác	13.724.458.314	0	13.724.458.314
Cộng	86.381.771.646	77.946.220.178	164.327.991.824

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm 03 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro ngoại tệ của Công ty là do các khoản tiền USD thu được từ bán hàng hóa ra nước ngoài và khoản tiền vay ngắn hạn tại ngân hàng. Tuy nhiên, với sự theo dõi sát sự biến của tỷ giá hối đoái của Ban Tổng Giám đốc Công ty và việc thả nổi giá ngoại tệ nhưng có kiểm soát của Nhà nước thì rủi ro ngoại tệ là thấp.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường và thỏa thuận vay để có được lãi suất lợi nhất và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

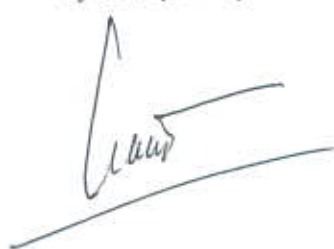
Rủi ro về giá khác

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng thiết lập hạn mức đầu tư và chỉ đầu tư tập trung vào công ty có kinh doanh cùng ngành nghề với công ty.

8. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả HĐ kinh doanh của Công ty:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	24,51%	28,59%
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	75,49%	71,41%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	26,26%	26,37%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	73,74%	73,63%
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,70	1,38
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,84	0,29
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	18,72%	24,15%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	15,06%	21,58%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	16,82%	17,10%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	13,53%	15,34%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	18,35%	20,84%

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 15 tháng 01 năm 2013


Nguyễn chơn Cường
Người lập biểu


Nguyễn văn Quang
Kế toán trưởng




Trần Quốc Hưng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SƯ HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Hòa Bình, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn Chủ sở hữu

Khoản Mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
- Số đầu năm trước	172.609.760.000	(2.088.257.535)	(6.123.627.875)	(946.932.803)	60.859.487.487	19.050.000.000	167.078.075.934	410.438.505.208
- Lợi nhuận trong kỳ này							128.137.447.823	128.137.447.823
- Trích lập các quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính trong kỳ này từ lợi nhuận năm 2010					15.281.325.339		(15.281.325.339)	-
- Chia cổ tức năm 2010							(69.043.889.000)	(69.043.889.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2010							(15.817.000.000)	(15.817.000.000)
- Đánh giá lại ngoại tệ USD ngày 31/12/2011				433.225.062			433.225.062	433.225.062
- Giao dịch cổ phiếu quỹ			6.123.627.875				6.123.627.875	6.123.627.875
- Giảm thặng dư vốn do giao dịch CP quỹ		(3.444.318.046)					(3.444.318.046)	(3.444.318.046)
Số dư cuối năm trước	172.609.760.000	(5.532.575.581)	-	(513.707.741)	76.140.812.826	19.050.000.000	195.073.309.418	456.827.598.922
- Số dư đầu năm nay	172.609.760.000	(5.532.575.581)	-	(513.707.741)	76.140.812.826	19.050.000.000	195.073.309.418	456.827.598.922
- Lợi nhuận trong kỳ này							88.861.174.716	88.861.174.716
- Trích lập các quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính trong kỳ này từ lợi nhuận năm 2011					11.770.000.000		(11.770.000.000)	-
- Chia cổ tức năm 2011							(25.891.464.000)	(25.891.464.000)
- Chia cổ tức đợt 1 năm 2012				513.707.741			(25.891.464.000)	(25.891.464.000)
- Đánh giá lại ngoại tệ USD ngày 31/12/2011							(18.155.000.000)	(18.155.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban DH trong năm từ lợi nhuận năm 2011							(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
- Tạm trích quỹ khen thưởng năm 2012 thường vượt SL							(10.438.038.385)	-
- Giám do thuế TNDN không được hưởng ưu đãi					10.438.038.385		10.438.038.385	10.438.038.385
- Lợi nhuận tăng do thuế TNDN được ưu đãi 2009 - 2011							10.086.490.618	10.086.490.618
- Giao dịch cổ phiếu quỹ								
Số dư cuối năm nay	172.609.760.000	(5.532.575.581)	-	-	98.348.851.211	19.050.000.000	199.875.008.367	484.351.043.997

Bà Đặng Yvonne Đào ngày 15 tháng 01 năm 2013



(Signature)

Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng

(Signature)

Nguyễn Văn Quốc Hưng
Tổng Giám đốc

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính